

Đánh giá mức độ hài lòng nghề nghiệp của điều dưỡng và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai năm 2024

Nguyễn Đỗ Thị Ngân Trang* và Phạm Thị Hương Thu
Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất tỉnh Đồng Nai

TÓM TẮT

Mở đầu: Nhân lực luôn được xem là một trong những yếu tố tạo nên sự thành công của mọi tổ chức. Trong lĩnh vực y tế, nhân lực có vai trò quan trọng, quyết định đến hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Sự hài lòng của điều dưỡng có liên quan chặt chẽ đến sự yêu nghề và gắn bó với nghề nghiệp, xác định được các yếu tố liên quan sẽ thu hút được nhân lực điều dưỡng trong bệnh viện. *Mục tiêu nghiên cứu:* Xác định mức độ hài lòng nghề nghiệp của điều dưỡng và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai năm 2024. *Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:* Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang, thực hiện trên 392 điều dưỡng, thực hiện tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai từ ngày 01/4/2024 đến ngày 30/6/2024. Được khảo sát dựa vào bộ câu hỏi soạn sẵn. *Kết quả:* Khảo sát 392 điều dưỡng, nữ 82.4%, nam 17.6%; tuổi trên 40 48.2%, điều dưỡng hài lòng về môi trường làm việc (76.0%), hài lòng về lãnh đạo trực tiếp, đồng nghiệp (90.5%), hài lòng về khối lượng công việc và thu nhập (85.6%), về cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp (84.7%), hài lòng về giá trị nghề nghiệp (83.2%). *Kết luận:* Tỷ lệ Điều dưỡng hài lòng với nghề nghiệp tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai là rất cao đạt (88.5%). Có mối liên quan giữa sự hài lòng nghề nghiệp và trình độ chuyên môn ($p=0.028$); giữa hài lòng nghề nghiệp với thâm niên công tác ($p=0.025$); Điều dưỡng được tạo điều kiện tham gia các khoá học nâng cao văn bằng chuyên môn hoặc các hoạt động đào tạo bên ngoài bệnh viện đã giúp điều dưỡng hài lòng hơn và gắn bó với bệnh viện.

Từ khóa: Sự hài lòng với công việc, điều dưỡng, nhân lực

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhân lực luôn được xem là một trong những yếu tố tạo nên sự thành công của mọi tổ chức. Trong lĩnh vực y tế, nhân lực có vai trò quan trọng, quyết định đến hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Kết quả của nhiều nghiên cứu cho thấy sự hài lòng với công việc là yếu tố quan trọng trong việc thu hút và duy trì nguồn nhân lực y tế. Sự hài lòng với công việc của nhân viên y tế (NVYT) ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc, sự hài lòng của người bệnh và doanh thu của các cơ sở y tế [1]. Dịch vụ chăm sóc của điều dưỡng trực tiếp tác động vào chất lượng điều trị, giảm tỷ lệ mắc bệnh, giảm biến chứng và tử vong cho người bệnh. Tuy nhiên, đội ngũ điều dưỡng vẫn còn một

số bất cập như: chưa được đầu tư thỏa đáng cả về số lượng và chất lượng, mức thu nhập của người điều dưỡng chưa cao, chưa nhìn nhận đúng vai trò của người điều dưỡng. Để người điều dưỡng có thể phát huy hết khả năng, năng lực, thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình thì sự hài lòng của điều dưỡng là hết sức cần thiết trong công việc.

Một nghiên cứu tại Ethiopia (2018), cho thấy mức độ hài lòng với công việc chung của các chuyên gia chăm sóc sức khỏe là 54% [2]. Tại Việt Nam, nghiên cứu của tác giả Đặng Hoàng Vũ (2020) sử dụng thang đo của Bộ Y tế (BYT) đánh

Tác giả liên hệ: ThS.ĐD. Nguyễn Đỗ Thị Ngân Trang
Email: ngantrangtn@gmail.com

giá sự hài lòng với công việc của 268 NVYT Bệnh viện Chợ Rẫy. Kết quả cho thấy tỷ lệ hài lòng toàn diện của NVYT đạt khá cao 76.1%, trong đó tỷ lệ hài lòng của các yếu tố lần lượt cao nhất là về hài lòng chung 86.9%; tiếp theo là về lãnh đạo, đồng nghiệp (85.8%); về quy chế nội bộ, tiền lương, phúc lợi là 83.6%; về công việc, cơ hội học tập, thăng tiến là 83.2%; thấp nhất là tỷ lệ NVYT hài lòng về môi trường làm việc 81.0% [3].

Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất – Đồng Nai là bệnh viện hạng I với hơn 1000 giường bệnh, phát triển nhiều chuyên khoa nhưng hiện số lượng điều dưỡng chưa đủ để đáp ứng nhu cầu cần phát triển của bệnh viện và cũng chưa có đề tài nghiên cứu về sự hài lòng nghề nghiệp của Điều Dưỡng. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Đánh giá mức độ hài lòng nghề nghiệp của điều dưỡng và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất – Đồng Nai năm 2024” với hai mục tiêu:

- Xác định tỷ lệ hài lòng với nghề nghiệp của điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai năm 2024.
- Xác định một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng với nghề nghiệp của điều dưỡng với trình độ chuyên môn, thâm niên công tác tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất – Đồng Nai năm 2024.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Dân số mục tiêu: Điều dưỡng đang làm việc tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng.
- Dân số chọn mẫu: Tất cả điều dưỡng làm việc tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/6/2024.
- Tiêu chuẩn chọn mẫu: Các điều dưỡng đang làm việc tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng và đồng ý tham gia nghiên cứu. Điều dưỡng đã ký hợp đồng hoặc đã có biên chế.
- Tiêu chuẩn loại trừ: Điều dưỡng vắng mặt trong thời gian nghiên cứu

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.
- Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến

hành từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/06/2024.

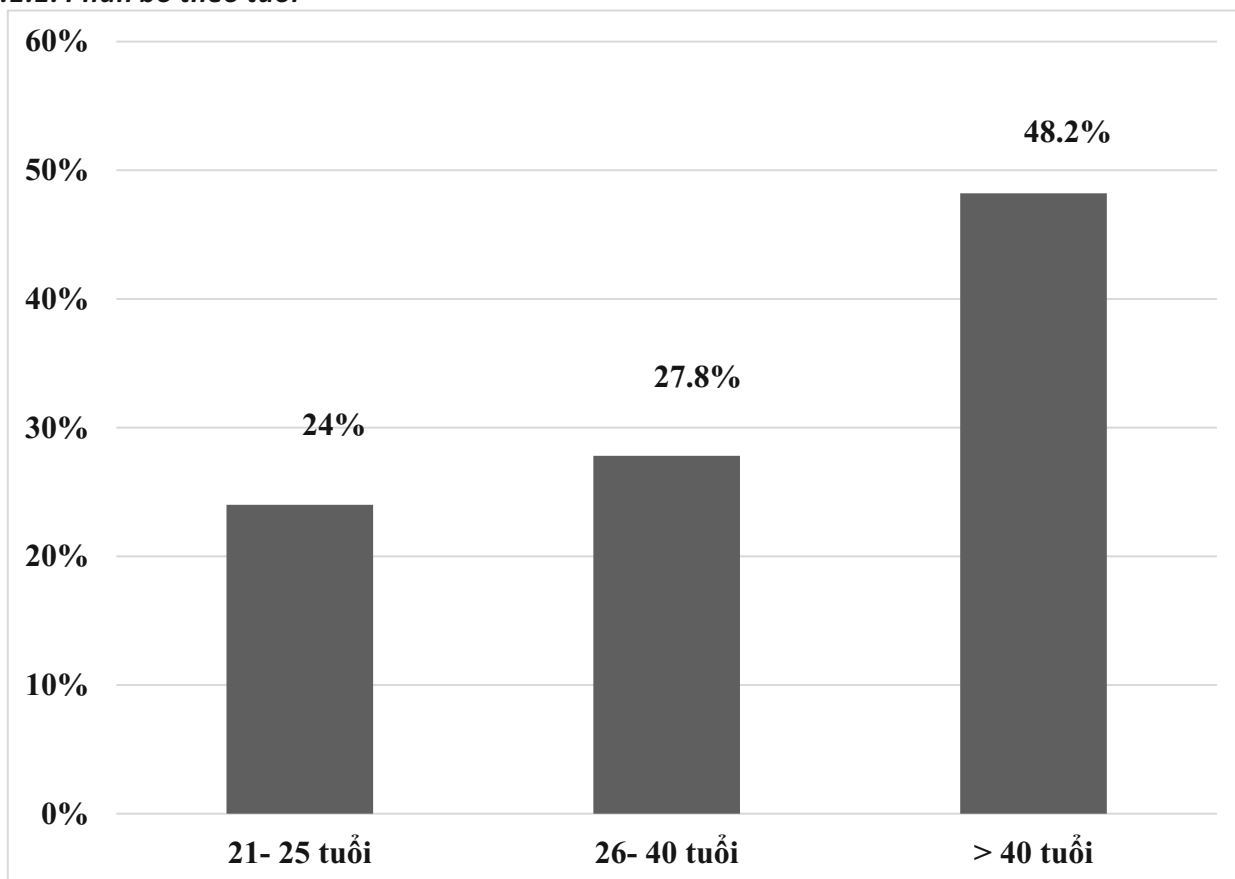
- Địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai.
- Cỡ mẫu: Lấy trọn mẫu, thỏa tiêu chí chọn mẫu.
- Kỹ thuật chọn mẫu: Toàn bộ để lựa chọn điều dưỡng đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu.
- Phương pháp thu thập số liệu: Nghiên cứu được tiến hành phỏng vấn qua biểu mẫu google form.
- Công cụ thu thập số liệu: Công cụ thu thập số liệu nghiên cứu định lượng. Phỏng vấn dựa vào Bộ câu hỏi soạn sẵn gồm 2 phần:
 - + Phần I: gồm 6 câu về thông tin của đối tượng nghiên cứu: Tuổi, giới, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác, vị trí làm việc, số lần trực trung bình trong 1 tháng.
 - + Phần II: Sự hài lòng của Điều Dưỡng gồm 26 câu. Môi trường làm việc (5 biến); Lãnh đạo trực tiếp, đồng nghiệp và tổ chức nghề nghiệp (5 biến); Khối lượng công việc và thu nhập (6 biến); Cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp (5 biến); Giá trị nghề nghiệp (5 biến)
- Dùng thang đo: Thang điểm Likert 5 mức độ áp dụng với từng tiểu mục (1): Rất không hài lòng, (2): Không hài lòng, (3): Bình thường, (4): Hài lòng, (5): Rất hài lòng. Được mã hóa thành 2 nhóm: nhóm chưa hài lòng từ 1 – 3 điểm và nhóm hài lòng từ 4 – 5 điểm.
- Các biến số nghiên cứu:
 - + Biến số độc lập gồm: Tuổi, giới, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác, vị trí làm việc, số lần trực trong 1 tháng.
 - + Biến số phụ thuộc gồm: Mức độ hài lòng chung. Môi trường làm việc; Lãnh đạo trực tiếp, đồng nghiệp và tổ chức nghề nghiệp; Khối lượng công việc và thu nhập; Cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp; Giá trị nghề nghiệp.
- Phân tích số liệu: Xử lý và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 16.0.
- Y đức trong nghiên cứu: Nghiên cứu được Hội đồng Y đức Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất – Đồng Nai thông qua.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của nhóm nghiên cứu

Có 392 điều dưỡng tham gia nghiên cứu.

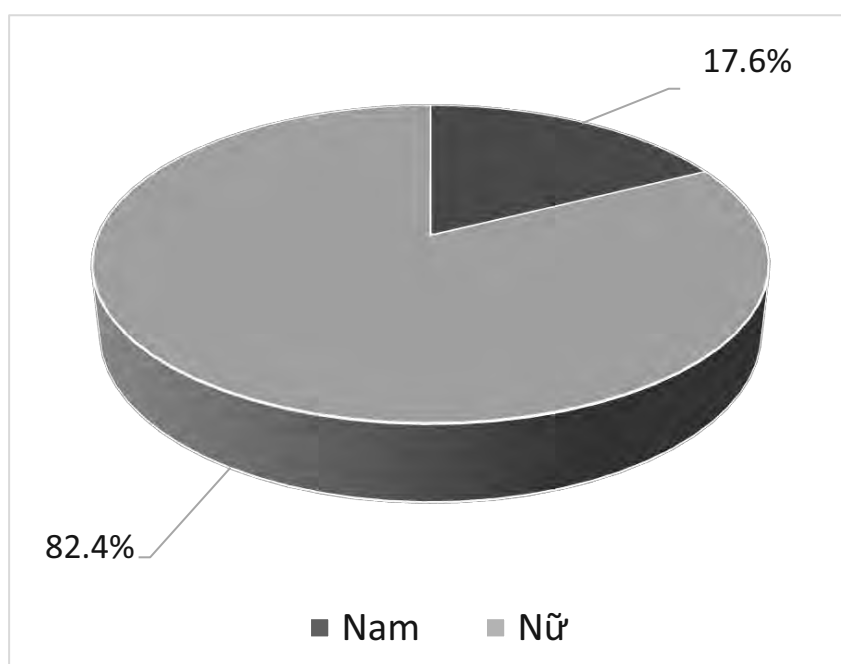
3.1.1. Phân bố theo tuổi



Hình 1. Biểu đồ phân bố theo độ tuổi (n=392)

Nhận xét: Đa số Điều dưỡng ở nhóm tuổi > 40 (48.2%), tuổi từ 26-40 (27.8%), tuổi từ 21 - 25 (24%).

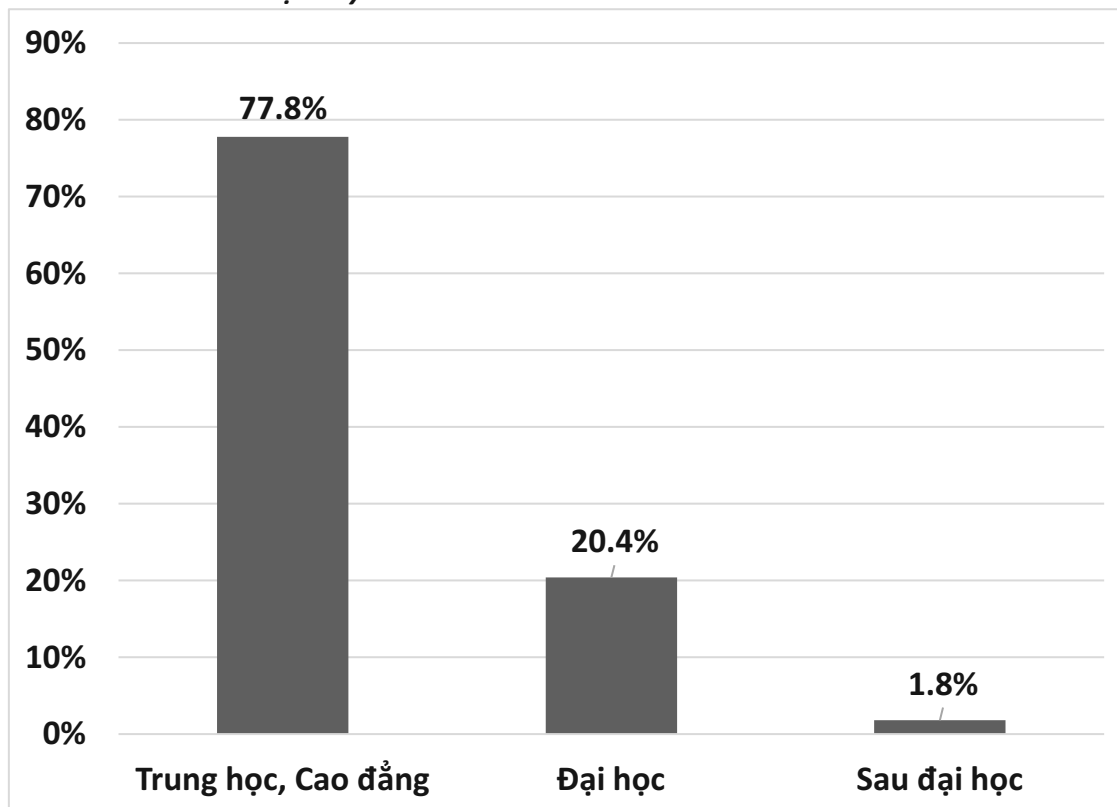
3.1.2. Phân bố theo giới tính



Hình 2. Biểu đồ phân bố theo giới tính (n=392)

Nhận xét: Kết quả cho thấy nữ chiếm tỷ lệ 82.4% cao hơn nhiều so với nam 17.6%, điều này phù hợp với đặc điểm chung của nghề Điều dưỡng hiện nay.

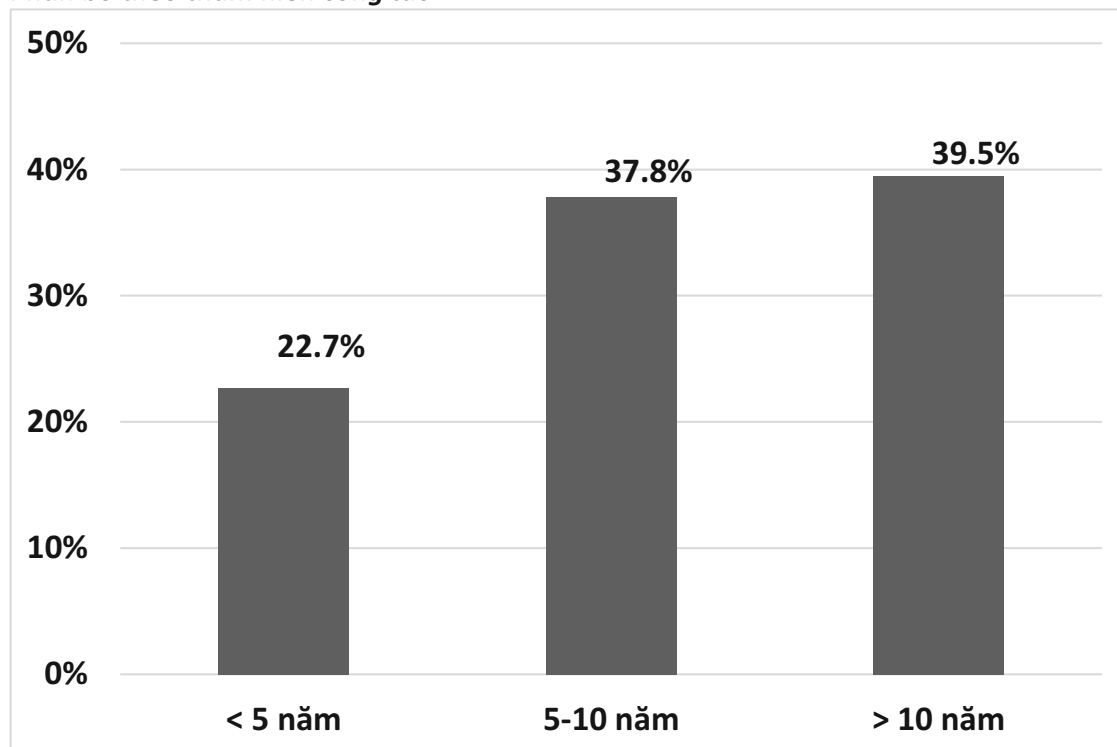
3.1.3. Phân bố theo trình độ chuyên môn



Hình 3. Biểu đồ phân bố theo trình độ chuyên môn (n=392)

Nhận xét: Nhóm mẫu nghiên cứu có trình độ trung cấp, cao đẳng chiếm đa số (77.8%), kế đến là đại học (20.4%), trình độ sau đại học thấp nhất (1.8%).

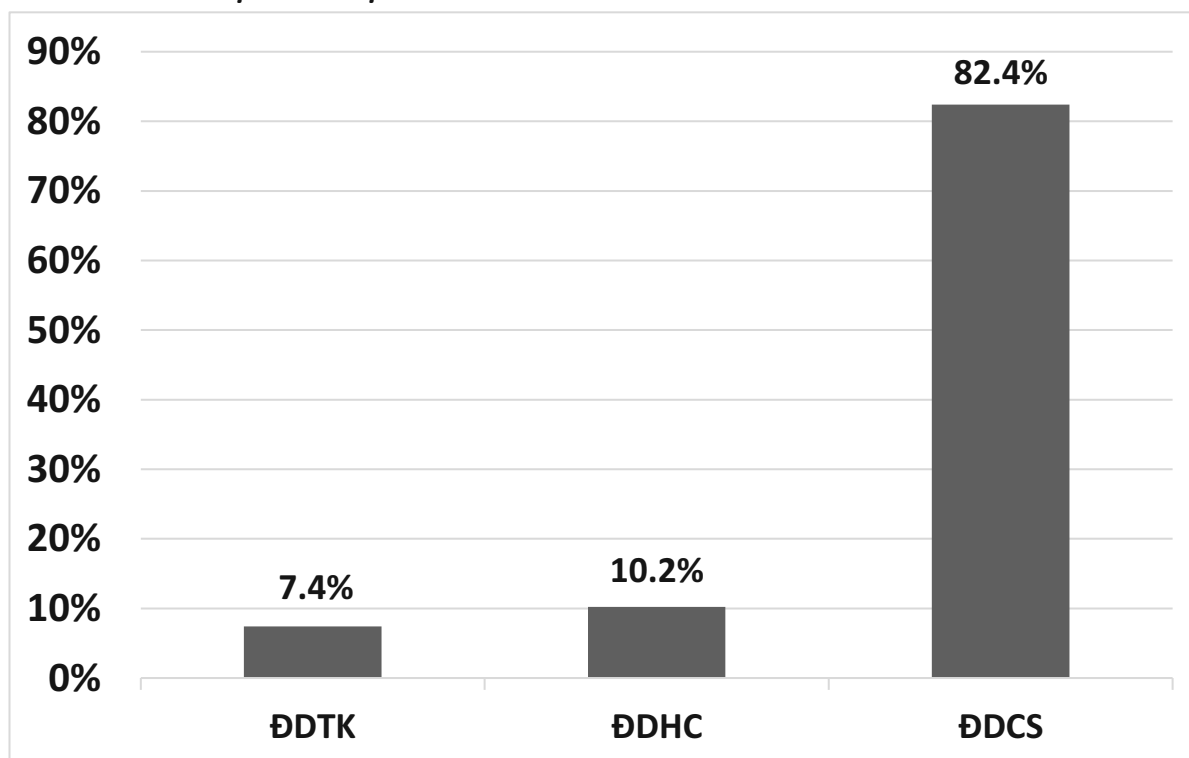
3.1.4. Phân bố theo thâm niên công tác



Hình 4. Biểu đồ phân bố theo thâm niên công tác (n=392)

Nhận xét: Trong nhóm đối tượng nghiên cứu nhóm có thâm niên công tác > 10 năm chiếm đa số (39.5%); nhóm 5-10 năm (37.8%); nhóm < 5 năm thấp nhất (22.7%).

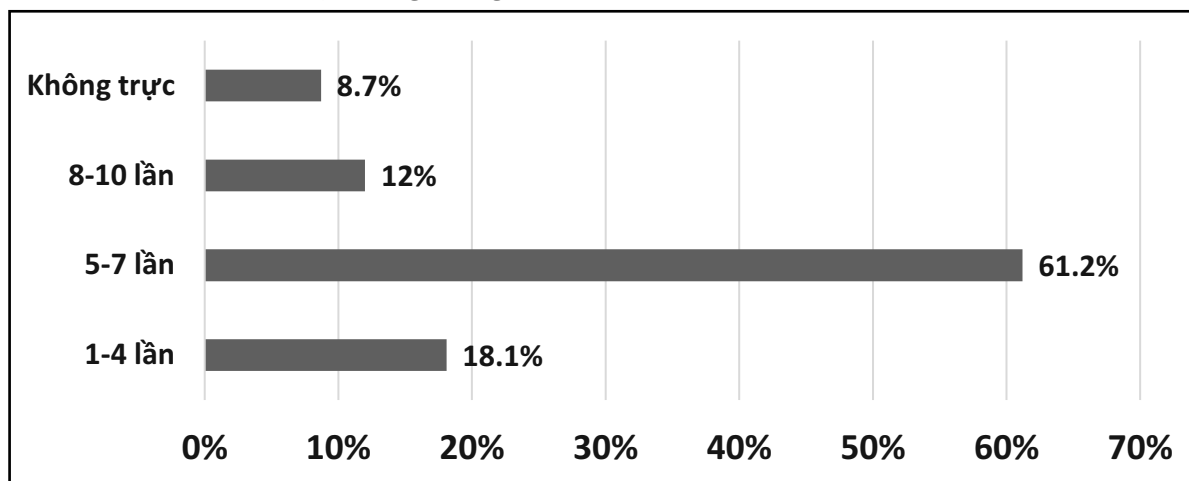
3.1.5. Phân bố theo vị trí làm việc



Hình 5. Biểu đồ phân bố theo vị trí làm việc (n=392)

Nhận xét: Nhóm ĐDCS cao nhất (82.4%); ĐDHC chiếm (10.2%); nhóm ĐDTK (7.4%).

3.1.6. Phân bố theo số lần trực trong tháng



Hình 6. Biểu đồ phân bố theo số lần trực trong tháng (n=392)

Nhận xét: Số điều dưỡng trực 5-7 lần chiếm đa số (61.2%); 1- 4 lần (18.1%); 8 -10 lần (12%); không trực (8.7%).

3.2. Kết quả sự hài lòng với nghề nghiệp của điều d

Bảng 1. Sự hài lòng về môi trường làm việc (n= 392)

TT	Nội dung	ĐTB ±ĐLC	Tỷ lệ (%)
1	Nơi làm việc sạch sẽ, thoáng mát	4.1 ± 0.8	80.2
2	Phương tiện chuyên môn đầy đủ	3.8 ± 0.8	72.4

TT	Nội dung	ĐTB ±ĐLC	Tỷ lệ (%)
3	Phương tiện phòng hộ (quần áo, khẩu trang, găng tay...) đầy đủ	4.1 ± 0.7	67.6
4	Môi trường làm việc đảm bảo an toàn	3.9 ± 0.7	78.2
5	BV bảo đảm an ninh, trật tự cho điều dưỡng làm việc	4.1 ± 0.6	82.0
Điểm trung bình hài lòng với môi trường làm việc		4.0 ± 0.6	76.0

Nhận xét: Điểm trung bình hài lòng về môi trường làm việc đạt từ 3.8 đến 4.1. Tỷ lệ hài lòng cao nhất là môi trường bảo đảm an ninh, trật tự cho điều dưỡng làm việc (82.0%). Điều dưỡng hài lòng về môi trường làm việc đạt (76.0%)

Bảng 2. Sự hài lòng về Lãnh đạo trực tiếp, đồng nghiệp và tổ chức nghề nghiệp (n= 392)

TT	Nội dung	ĐTB ±ĐLC	Tỷ lệ (%)
1	Lãnh đạo quan tâm và đầu tư phát triển công tác điều dưỡng	4.5 ± 0.8	93.8
2	Đóng góp của bạn cho khoa/BV được lãnh đạo tôn trọng lắng nghe và tiếp thu ý kiến	4.4 ± 0.7	90.2
3	Bạn được lãnh đạo đối xử công bằng	4.2 ± 0.7	89.2
4	Bạn nhận được sự hỗ trợ và hợp tác tốt từ đồng nghiệp	4.4 ± 0.6	94.4
5	Hội điều dưỡng các cấp đã hoạt động hiệu quả tới sự phát triển nghề nghiệp và bảo vệ quyền lợi hội viên điều dưỡng	4.2 ± 0.7	84.8
Điểm trung bình hài lòng về Lãnh đạo trực tiếp, đồng nghiệp và tổ chức nghề nghiệp		4.3 ± 0.7	90.5

Nhận xét: Điểm trung bình hài lòng về lãnh đạo trực tiếp, đồng nghiệp và tổ chức nghề nghiệp đạt từ 4.2 – 4.4. Tỷ lệ hài lòng cao nhất là bạn nhận được sự hỗ trợ và hợp tác tốt từ đồng nghiệp (94.4%). Điều dưỡng hài lòng về lãnh đạo trực tiếp, đồng nghiệp và tổ chức nghề nghiệp đạt (90.5%).

Bảng 3. Sự hài lòng về khối lượng công việc và thu nhập (n= 392)

TT	Nội dung	ĐTB ±ĐLC	Tỷ lệ (%)
1	Bạn có đủ thời gian để chăm sóc người bệnh	3.7 ± 0.5	74.6
2	Bạn có đủ thời gian để tư vấn hướng dẫn cho người bệnh	4.0 ± 0.7	80.4
3	Bạn có đủ thời gian để chăm sóc cho người thân trong gia đình	4.2 ± 0.8	90.2
4	Phúc lợi được phân bổ công bằng và minh bạch	4.1 ± 0.7	88.6

TT	Nội dung	ĐTB ±ĐLC	Tỷ lệ (%)
5	Thu nhập (lương, phụ cấp, đãi ngộ...) tương xứng với cường độ làm việc và hiệu suất công việc của bạn ở khoa/BV	4.2 ± 0.7	90.0
6	Cách phân chia thu nhập tăng thêm công bằng, khuyến khích điều dưỡng làm việc tích cực	4.3 ± 0.8	89.8
Điểm trung bình hài lòng về khối lượng công việc và thu nhập		4.1 ± 0.7	85.6

Nhận xét: Điểm trung bình hài lòng về khối lượng công việc và thu nhập đạt từ 3.7 – 4.3. Tỷ lệ hài lòng cao nhất là có đủ thời gian chăm sóc gia đình (90.2%), kế đến là thu nhập tương xứng với công việc. Điều dưỡng hài lòng về khối lượng công việc và thu nhập (85.6%)

Bảng 4. Sự hài lòng về cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp (n= 392)

TT	Nội dung	ĐTB ±ĐLC	Tỷ lệ (%)
1	Bạn được giao công việc phù hợp nghề được đào tạo	3.7 ± 0.6	87.2
2	Bạn cảm thấy có nhiều tiến bộ trong công việc và nghề nghiệp	3.5 ± 0.8	86.4
3	Bạn thường xuyên được tham gia các hoạt động đào tạo liên tục do bệnh viện tổ chức	4.2 ± 0.7	92.4
4	Bạn được tạo điều kiện tham gia các khóa học nâng cao văn bằng chuyên môn hoặc hoạt động đào tạo bên ngoài BV	4.2 ± 0.7	84.8
5	Bạn cảm thấy nghề điều dưỡng có nhiều cơ hội thăng tiến khi nỗ lực làm việc	3.9 ± 0.6	72.6
Điểm trung bình hài lòng về cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp		3.9 ± 0.7	84.7

Nhận xét: Điểm trung bình hài lòng về cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp đạt từ 3.5 đến 4.2. Tỷ lệ hài lòng cao nhất là được tham gia các hoạt động đào tạo liên tục do bệnh viện tổ chức (92.4%). Điều dưỡng hài lòng về cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp (84.7%).

Bảng 5. Sự hài lòng về giá trị nghề nghiệp (n= 392)

TT	Nội dung	ĐTB ±ĐLC	Tỷ lệ (%)
1	Nghề điều dưỡng rất có ý nghĩa với bạn và gia đình bạn	3.8 ± 0.8	87.2
2	Bạn sẽ khuyến khích con của bạn theo nghề điều dưỡng	3.4 ± 0.6	61.0
3	Bạn cảm thấy tự tin trong công việc chuyên môn CSNB	3.9 ± 0.8	86.4

TT	Nội dung	ĐTB ±ĐLC	Tỷ lệ (%)
4	Bạn dự định sẽ tiếp tục làm việc tại BV trong 5 năm tới	4.2 ± 0.8	90.6
5	Bạn cảm thấy đang có nhiều nhiệt huyết với công việc	4.3 ± 0.7	91.0
Điểm trung bình hài lòng về giá trị nghề nghiệp		3.9 ± 0.6	83.2

Nhận xét: Điểm trung bình hài lòng về giá trị nghề nghiệp đạt từ 3.4 – 4.3. Tỷ lệ hài lòng cao nhất là tiếp tục làm tại bệnh viện trong 5 năm tới (90.6%). Điều dưỡng hài lòng về giá trị nghề nghiệp đạt (83.2%).

3.3. Sự hài lòng chung với nghề nghiệp của điều Dưỡng

Bảng 6. Sự hài lòng chung với nghề nghiệp của điều dưỡng

Nội dung	Tần suất (n=392)	Tỉ lệ (%)
Hài lòng chung		
Hài lòng	347	88.5
Chưa hài lòng	45	11.5

Nhận xét: Tỷ lệ điều dưỡng hài lòng với nghề nghiệp là (88.5%), chưa hài lòng (11.5%).

3.4. Mối liên quan giữa đặc điểm của điều dưỡng với sự hài lòng với nghề nghiệp

Bảng 7. Mối liên quan giữa đặc điểm của điều dưỡng với sự hài lòng với nghề nghiệp

Đặc điểm	Sự hài lòng chung		P
	Hài lòng n (%)	Chưa hài lòng n (%)	
Trình độ chuyên môn			
Trung cấp, cao đẳng	267(87.5)	38(12.5)	0.028
Đại học	73(91.2)	7(8.8)	
Sau đại học	7(100)	0	
Thâm niên công tác			
<5 năm	62(69.7)	27(30.3)	0.025
5-10 năm	143(96.6)	5(3.4)	
>10 năm	142(91.6)	13(8.4)	

Nhận xét: Tỷ lệ hài lòng nghề nghiệp ở nhóm sau đại học chiếm (100%) cao hơn so với nhóm nhóm đại học (91.2%); Trình độ trung cấp, cao đẳng (87.5%); Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0.05$ ($p = 0.028$). Có sự khác biệt giữa số năm công tác trong nghề điều dưỡng với sự hài lòng chung về nghề nghiệp ($p=0.025<0.05$) nhóm điều dưỡng hài lòng với nghề nghiệp có thâm niên công tác > 10 năm (91.6%) thấp hơn so với nhóm có thâm niên công tác 5-10 năm (96.6%); Nhóm thâm niên công tác < 5 năm (69.7%).

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Về giới tính của các điều dưỡng tham gia vào

nghiên cứu có tỷ lệ nữ là (82.4%) cao hơn nam là (17.6%). Kết quả này cho thấy có sự không cân bằng về giới tính trong nghề điều dưỡng và đây cũng là một nét đặc trưng của nghề, có thể do nữ giới phù hợp và hài lòng hơn về đặc điểm của nghề nghiệp này so với nam giới.

Tuổi đời của các điều dưỡng trong nghiên cứu này được phân thành 3 nhóm: Chiếm tỷ lệ cao nhất trong độ tuổi > 40 tuổi (48.2%), kế đến thuộc nhóm tuổi từ 26 – 40 tuổi (27.8%) và nhóm 21 - 25 tuổi chiếm tỷ lệ (24%).

Về trình độ chuyên môn: Các điều dưỡng có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ rất thấp là (1.8%), điều

dưỡng có trình độ đại học (20.4%), trình độ trung cấp, cao đẳng (77.8%), Phù hợp với hiện tại, trình độ cao đẳng trong bệnh viện chiếm tỷ lệ >75%.

Thâm niên công tác của điều dưỡng nhóm có thâm niên từ < 5 năm (22.7%), 5 – 10 năm chiếm tỷ lệ là (37.8%) và các điều dưỡng có thâm niên trong nghề > 10 năm chiếm tỷ lệ (39.5%). Đây cũng là một thuận lợi đáng ghi nhận, kinh nghiệm của họ sẽ có ích cho công tác điều dưỡng trong bệnh viện. Cũng trong nghiên cứu của Phạm Thị Lệ Quyên [4], kết quả có khác nhau > 10 năm chiếm tỷ lệ cao (64.2%). Số lần trực trong tháng từ 5 - 7 lần chiếm đa số (61.2%). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Bảo Châu [5] từ 5 - 7 lần chiếm (54.47%); không trực chiếm (8.7%), nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Bảo Châu [5] cao hơn (13.62%).

Vị trí làm việc của ĐDCS chiếm tỷ lệ cao nhất (82.4%) phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Bảo Châu [5] chiếm (78.21%).

4.2. Sự hài lòng với nghề nghiệp của điều dưỡng

Nhìn chung tỷ lệ điều dưỡng hài lòng với nghề nghiệp là rất cao (88.5%), kết quả này cao hơn nghiên cứu của Phạm Thị Lệ Quyên là 77.3% [4]; của Đặng Hoàng Vũ đạt 76.1% [3]. Cho thấy mặc dù làm việc ở các cơ sở y tế khác nhau nhưng nhân viên khá hài lòng với nghề nghiệp hiện tại

Điểm trung bình hài lòng về môi trường làm việc là 4.0 điểm chiếm tỷ lệ 76%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Phạm Thị Lệ Quyên [4] cho thấy điểm trung bình hài lòng là 4.0 điểm chiếm 74%; nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Bảo Châu [5] là 3.35 điểm chiếm 67%.

Sự hài lòng về lãnh đạo trực tiếp, đồng nghiệp và tổ chức nghề nghiệp đạt tỷ lệ 90.5%, tất cả các yếu tố đều có tỷ lệ hài lòng cao > 80%. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu trước [4, 5], cho thấy mối quan hệ giữa lãnh đạo với điều dưỡng, với đồng nghiệp tốt

Tỷ lệ hài lòng về khối lượng công việc và thu nhập chiếm (85.6%) cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Bảo Châu (69.6%) [5], Phạm Thị Lệ Quyên (66.6%) [4]. Bệnh viện đã có những chính sách hợp lý, công khai, có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, tạo điều kiện cho điều dưỡng làm ngoài giờ tăng thu nhập.

Sự hài lòng về cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp đạt 84.7%. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Bảo Châu (71%) [5], Phạm Thị Lệ Quyên (78.8%) [4]. Phù hợp với thực tế của bệnh viện, điều dưỡng thường xuyên được tham gia các hoạt động đào tạo liên tục do BV tổ chức; Được tạo điều kiện tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn hoặc hoạt động đào tạo bên ngoài BV. Bảng 3.5 điểm trung bình các yếu tố Điều dưỡng hài lòng về giá trị nghề nghiệp đạt từ 3.4 – 4.3. Có 2/5 yếu tố đánh giá hài lòng: Dự định tiếp tục làm việc tại BV trong 5 năm tới (90.6%); Cảm thấy đang có nhiều nhiệt huyết với công việc (91.0%). Yếu tố hài lòng thấp nhất là khuyến khích con của bạn theo nghề điều dưỡng (61.0%). Do vậy bệnh viện cần có cơ chế khuyến khích, động viên, khen thưởng kịp thời để nhân viên thấy rằng những đóng góp của họ được ghi nhận và gắn bó lâu dài với BV.

4.3. Các yếu tố liên quan

Kết quả cho thấy có sự khác biệt giữa trình độ chuyên môn với sự hài lòng nghề nghiệp của điều dưỡng ($p=0.028 < 0.05$), Điều này phù hợp với kết quả điều dưỡng được tạo điều kiện tham gia các khóa học nâng cao văn bằng chuyên môn hoặc các hoạt động đào tạo bên ngoài bệnh viện (84.8%).

Có sự khác biệt giữa số năm công tác trong nghề điều dưỡng với sự hài lòng chung về nghề nghiệp ($p=0.025 < 0.05$). Nghiên cứu của Đặng Hoàng Vũ (2020) cũng đã chỉ ra rằng sự hài lòng công việc của nhân viên y tế có liên quan đến các yếu tố như trình độ chuyên môn, thâm niên công tác [3].

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ hài lòng với nghề nghiệp của điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất - Đồng Nai năm 2024 là rất cao đạt (88.5%). Trong đó hài lòng về môi trường làm việc (76.0%), hài lòng về lãnh đạo trực tiếp, đồng nghiệp (90.5%), hài lòng về khối lượng công việc và thu nhập (85.6%), về cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp (84.7%), hài lòng về giá trị nghề nghiệp (83.2%).

Kết quả cho thấy có mối liên quan giữa sự hài lòng nghề nghiệp và trình độ chuyên môn ($p=0.028$); giữa hài lòng nghề nghiệp với thâm niên công tác ($p=0.025$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Abate H. K. and Mekonnen C.K., "Job Satisfaction and Associated Factors Among Health Care Professionals Working in Public

Health Facilities in Ethiopia: A Systematic Review", *J Multidiscip Healthcare*, 14,821-830, 2021.

[2] G. Gedif, Y. Sisay, ...and Y. A. Belay, "Level of job satisfaction and associated factors among health care professionals working at University of Gondar Referral Hospital, Northwest Ethiopia: A cross-sectional study," *BMC Res Notes*, 11(1), 824, 2018.

[3] Đ. H. Vũ, "Mức độ hài lòng công việc của nhân viên y tế tại các Khoa Hồi sức - Cấp cứu Bệnh viện Chợ Rẫy, Thành phố Hồ Chí Minh và các yếu tố ảnh hưởng năm 2020". Hà Nội: Đại

học Y tế công cộng, 2020.

[4] P. T. L. Quỳên, "Sự hài lòng với công việc của nhân viên y tế tại trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình năm 2022", *Tạp chí Y học Việt Nam*, 530(1), 120-125, 2023.

[5] N. N. B. Châu, "Sự hài lòng với công việc của Điều Dưỡng và một số yếu tố ảnh hưởng tại bệnh viện Đa Khoa Trung Tâm Tiền Giang năm 2019", *Tạp chí Y học Việt Nam*, 507(2), tr. 32-37, 2021.

Evaluation of job satisfaction levels among nurses and related factors at Thong Nhat General Hospital of Dong Nai province in 2024

Nguyen Do Thi Ngan Trang and Pham Thi Huong Thu

ABSTRACT

Introduction: Human resources are always considered one of the factors that create the success of every organization. In the medical field, human resources play an important role, determining the effectiveness of public health care work. Nurse satisfaction is closely related to love for the profession and commitment to the profession. Identifying related factors will attract nursing staff in the hospital. Research objective: Determine the level of career satisfaction of nurses and some related factors at Thong Nhat Dong Nai General Hospital in 2024. Research subjects and methods: Cross-sectional descriptive research design, conducted on 392 nurses, conducted at Thong Nhat Dong Nai General Hospital from April 1, 2024 to June 30, 2024. Surveyed based on a pre-prepared questionnaire. Results: Survey of 392 nurses, female 82.4%, male 17.6%; Over 40 years old 48.2%, nurses are satisfied with the working environment (76.0%), satisfied with direct leadership, colleagues (90.5%), satisfied with workload and income (85.6%), about learning and career development opportunities (84.7%), satisfied with career values (83.2%). Conclusion: The rate of nurses satisfied with their jobs at Thong Nhat General Hospital is very high (88.5%). There are relationships between career satisfaction and professional qualifications ($p=0.028$); between career satisfaction and seniority ($p=0.025$); Nurses are given opportunities to participate in courses to improve their professional qualifications or training activities outside the hospital which help nurses to be more satisfied and committed to the hospital.

Keywords: career satisfaction, nursing, human resources

Received: 03/12/2024

Revised: 12/12/2024

Accepted for publication: 13/12/2024